

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NGÀNH DỊCH VỤ Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA GIAI ĐOẠN 1995 - 2011

PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG*

TÓM TẮT

Quá trình đô thị hóa (ĐTH) thành phố (TP) Cần Thơ diễn ra khá nhanh, đặc biệt là những năm gần đây. Trong điều kiện đó, chúng tôi phân tích tình hình phát triển ngành dịch vụ cũng như một số hoạt động dịch vụ nổi bật (giao thông vận tải, thương mại và tài chính – tín dụng); qua đó, bài báo cũng làm rõ vai trò của khu vực đô thị (ĐT), đặc biệt là đô thị trung tâm đối với các hoạt động dịch vụ trên trong quá trình đô thị hóa.

Từ khóa: đô thị hóa, đô thị, dịch vụ, giao thông vận tải, thương mại, tài chính – tín dụng.

ABSTRACT

Some tourism activities of Can Tho City during its urbanization process from 1995 to 2011

In recent years, the urbanization process of Can Tho city has been taken place quickly. In this context, we analyze the current situation of service sector development in Can Tho province in general and some prominent service activities in particular, such as transport, trade and finance – credit, at the same time. Thereby, the paper determines the role of the urban area, especially the central urban area, to service sector in general and those service activities during the urbanization process of Can Tho city.

Keywords: Urbanization, urban area, service, transport, trade, finance – credit.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn 1995 - 2011, ĐT ở Cần Thơ được mở rộng rất nhanh, dân số ĐT và diện tích ĐT tăng lần lượt 2,8 lần và 6,0 lần. Nhìn chung, quá trình này đã và đang diễn biến ngày càng nhanh, đặc biệt ở những khu vực có điều kiện thuận lợi để tụ cư và phát triển kinh tế ĐT. Trong điều kiện đó, chúng tôi tiến hành phân tích tình hình hoạt động của ngành dịch vụ nói chung và một số hoạt động dịch vụ phát triển nổi bật như giao thông

vận tải, thương mại và tài chính – tín dụng; qua đó, cho thấy vai trò của khu vực ĐT, đặc biệt là ĐT trung tâm đối với ngành dịch vụ ở TP Cần Thơ nói chung và một số hoạt động dịch vụ nêu trên trong quá trình ĐTH ở TP Cần Thơ.

2. Nội dung

2.1. *Quá trình đô thị hóa thành phố Cần Thơ giai đoạn 1995 – 2011*

Sau khi đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, TP Cần Thơ tái khởi động quá trình ĐTH. Diễn biến một số chỉ tiêu cơ bản quá trình ĐTH TP Cần Thơ giai đoạn 1995 – 2011 được thể hiện ở bảng 1 sau đây:

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Bảng 1. Một số chỉ tiêu ĐTH TP Cần Thơ giai đoạn 1995 – 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng			Chênh lệch	
		1995	2000	2011	1995 - 2011	2000 - 2011
Dân số ĐT	1000 người	283,2	351,8	799,6	516,4	447,8
Tỉ lệ thị dân	%	27,6	32,6	66,2	38,6	33,6
Diện tích ĐT	km ²	77,2	81,5	464,6	387,4	383,02

Nguồn: Xử lý từ [3], [10]

Bảng 1 cho thấy, đến năm 1995, mặc dù là TP lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Cần Thơ vẫn là một ĐT trung bình với quy mô dân số, diện tích ĐT và tỉ lệ thị dân không lớn. Tuy nhiên, trong khoảng 16 năm qua, nhiều chỉ tiêu ĐTH TP Cần Thơ tăng nhanh: tốc độ tăng dân số và diện tích ĐT trung bình tương ứng 7%/năm và 12%/năm. Hiện nay, Cần Thơ là ĐT loại 1 với quy mô dân số ĐT khoảng 800 nghìn người; khu vực nội thành rộng hơn 400km² (bao gồm 5 quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn và Thốt Nốt) và tỉ lệ thị dân hơn 66%.

Quá trình ĐTH TP Cần Thơ có xu hướng nhanh dần theo thời gian và chủ yếu diễn ra mạnh mẽ từ sau năm 2000 đến nay. Trong hơn 500 nghìn dân ĐT và 387,36km² ĐT tăng thêm trong cả giai đoạn 1995 – 2011 thì tỉ lệ đóng góp của giai đoạn 2000 – 2011 lần lượt là 87% và

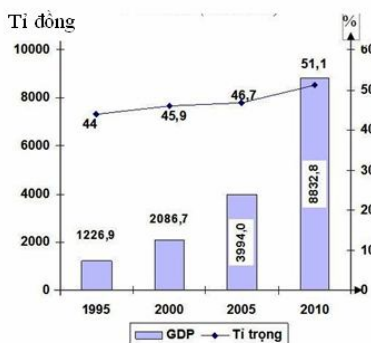
99%. Do vậy, nhiều hoạt động kinh tế phi nông nghiệp có điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh chóng. Vai trò của khu vực ĐT, đặc biệt là ĐT trung tâm ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế TP Cần Thơ nói chung và một số hoạt động dịch vụ nói riêng.

2.2. Một số hoạt động ngành dịch vụ TP Cần Thơ trong quá trình ĐTH

2.2.1. Khái quát ngành dịch vụ TP Cần Thơ trong quá trình ĐTH

Bên cạnh hoạt động công nghiệp và xây dựng tăng trưởng nhanh trong quá trình ĐTH, giai đoạn 1995 – 2010, hoạt động dịch vụ TP Cần Thơ ngày càng khẳng định vai trò ưu thế. Từ năm 1995 đến nay, ngành dịch vụ luôn ở vị trí dẫn đầu, cùng với công nghiệp, là động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Quy mô và tỉ trọng GDP ngành dịch vụ trong nền kinh tế TP Cần Thơ được thể hiện ở biểu đồ 1 sau đây:

Biểu đồ 1. Quy mô và tỉ trọng GDP ngành dịch vụ trong nền kinh tế TP Cần Thơ (1995-2010)



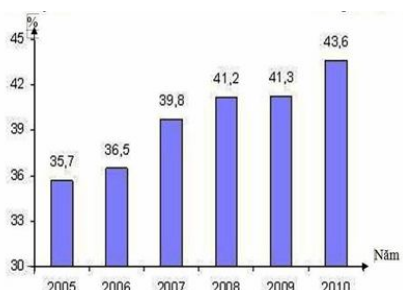
Nguồn: [2], [3], [10]

Sau 15 năm, từ 1995-2010, quy mô giá trị GDP dịch vụ TP Cần Thơ tăng hơn 6 lần với 7605 tỉ đồng; tốc độ tăng trưởng cao và có xu hướng nhanh dần theo thời gian. Giai đoạn 2000-2010, hoạt động dịch vụ phát triển rất nhanh với tốc độ trung bình 15,5%/năm; đóng góp gần 90% giá trị GDP dịch vụ tăng thêm giai đoạn 1995 – 2010. Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ luôn luôn nhanh hơn tốc độ tăng trưởng GDP chung toàn TP, vì vậy tỉ trọng không ngừng tăng lên: đạt 44% năm 1995 và 51,1% năm 2010.

Năm 2004, quận Ninh Kiều được thành lập trên cơ sở lõi DT TP tỉnh lỵ, nơi có lịch sử phát triển lâu dài và mức độ tích tụ cao. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế quận Ninh Kiều theo hướng giảm nhanh vai trò khu vực sản xuất vật chất;

tăng cường vai trò trung tâm giáo dục, y tế, tài chính – tín dụng, nghiên cứu khoa học, văn hóa,... cấp quốc gia. Giai đoạn 2005 – 2010, quy mô GDP ngành dịch vụ quận Ninh Kiều tăng 2,7 lần, từ 1.425,7 tỉ đồng năm 2005 lên 3.854,7 tỉ đồng năm 2010. Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ quận Ninh Kiều trung bình 22%/năm, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ TP Cần Thơ trong cùng giai đoạn. Vì vậy, tỉ trọng quận Ninh Kiều trong ngành dịch vụ ở TP Cần Thơ tăng từ 35,7% năm 2005 lên 43,6% năm 2010. Quận Ninh Kiều thật sự lĩnh ấn tiên phong và là động lực tăng trưởng ngành dịch vụ toàn TP: trong 4.838,8 tỉ đồng GDP ngành dịch vụ TP Cần Thơ tăng thêm giai đoạn 2005 – 2010, riêng quận Ninh Kiều đóng góp hơn 50% (xem biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Tỷ trọng GDP ngành dịch vụ quận Ninh Kiều trong cơ cấu ngành dịch vụ TP Cần Thơ (2005-2010)



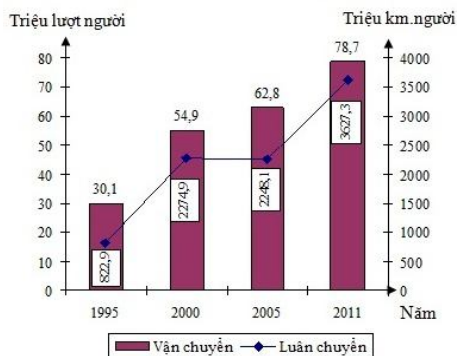
Nguồn: [2], [2], [6]

2.2.2. Một số hoạt động dịch vụ phát triển nổi bật trong quá trình đô thị hóa

2.2.2.1. Giao thông vận tải

Cùng với quá trình ĐTH, hoạt động trao đổi hàng hóa, giao lưu, di chuyển của con người trở nên nhộn nhịp hơn. Giao thông vận tải (GTVT) và ĐTH có mối quan hệ khăng khít hai chiều, vừa là “nhân” vừa là “quả” của nhau. Cường độ các dòng lưu chuyển hàng hóa và dân cư vừa phản ánh mức độ phát triển kinh tế vừa phản ánh quá trình ĐTH. Đặc biệt, hoạt động vận tải hành khách (VTHK) thể hiện rõ tính năng động của dân cư và ĐTH. Khối lượng hành khách vận chuyển (HKVC) và hành khách luân chuyển (HKLC) của TP Cần Thơ giai đoạn 1995 – 2011 được thể hiện ở biểu đồ 3 dưới đây:

Biểu đồ 3. Khối lượng HKVC và HKLC tại TP Cần Thơ (1995-2011)



Nguồn: [2], [3], [10]

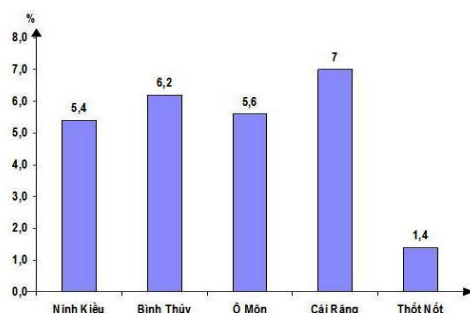
Thời gian qua, ngành GTVT TP Cần Thơ có nhiều điều kiện phát triển, khối lượng HKVC tăng trưởng trung bình 6,2%/năm giai đoạn 1995 - 2011, tăng gần 50 triệu lượt người; lượng HKLC năm 2011 gấp bốn lần năm 1995, với tốc

độ tăng trưởng trung bình 9,7%/năm. Giai đoạn 1995 – 2000, hoạt động VTHK tăng trưởng rất nhanh, vai trò GTVT đường thủy rất quan trọng, đặc biệt là đối với vận chuyển đường xa. Từ sau năm 2000, tốc độ tăng trưởng chậm lại, nhưng

tương quan loại hình vận tải có thay đổi. Hoạt động vận tải đường bộ phát triển nhanh do những cải thiện đáng kể về hạ tầng và ưu thế đặc thù của loại hình vận tải này; trong khi đó, vai trò của GTVT đường thủy ngày càng giảm trong hoạt động vận tải hành khách. Năm 2005, mặc dù lượng HKVC tăng, nhưng do hoạt

động vận tải đường thủy giảm lượng khách đột ngột nên khối lượng HKLC giảm so với năm 2000 (xem biểu đồ 3). Tốc độ tăng trưởng khối lượng HKVC giữa các đơn vị hành chính trong khu vực nội thành TP Cần Thơ giai đoạn 2005 – 2009 được thể hiện ở biểu đồ 4 sau đây:

Biểu đồ 4. Tốc độ tăng trưởng khối lượng HKVC khu vực nội thành TP Cần Thơ (2005-2009)



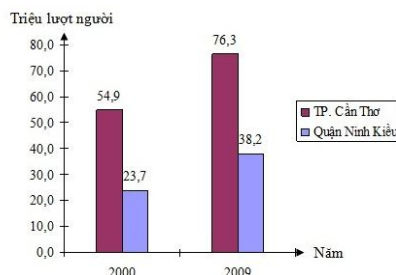
Nguồn: [4], [5], [6], [7], [8]

Biểu đồ 4 cho thấy, trong khu vực nội thành, quận Cái Răng và Bình Thủy dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng VTHK, cao gấp 1,9 và 1,6 lần tốc độ chung toàn TP Cần Thơ (tương ứng 7,0% và 6,2% - giai đoạn 2005-2009). Trong khi đó, lượng VTHK trên địa bàn quận Thốt Nốt tăng rất chậm, chỉ bằng 40% so với toàn TP.

Quận Ninh Kiều không chỉ là đầu

mối giao thông của TP Cần Thơ mà còn cho cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giữ vai trò rất lớn trong quá trình trao đổi hàng hóa, di chuyển dân cư... giữa các địa phương. Do vậy, hoạt động GTVT diễn ra rất nhộn nhịp. Khối lượng vận chuyển hành khách TP Cần Thơ và quận Ninh Kiều năm 2000 và 2009 được thể hiện ở biểu đồ 5 sau đây:

Biểu đồ 5. Khối lượng vận chuyển hành khách TP Cần Thơ và quận Ninh Kiều năm 2000 và 2009



Nguồn: [1], [3], [6]

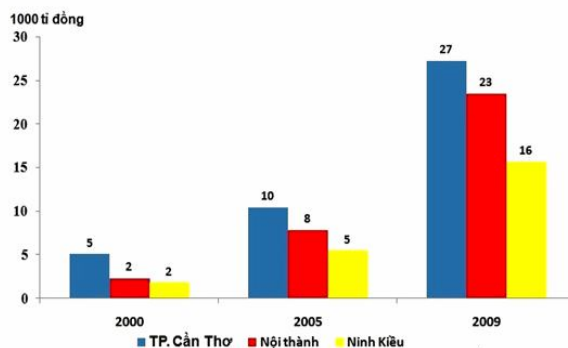
Biểu đồ 5 cho thấy giai đoạn 2000-2009, khối lượng vận chuyển hành khách tăng 1,6 lần, từ 23,7 triệu lượt người năm 2000 lên 38,2 triệu lượt người năm 2009. Tốc độ tăng trưởng VTHK trung bình 5,4%/năm cho toàn giai đoạn. Trong cùng thời gian, năng lực vận tải đường dài của quận Ninh Kiều ngày càng nâng lên. Tốc độ tăng trưởng HKLC trung bình 8,6%/năm, năng lực vận chuyển tăng hơn 2 lần trong giai đoạn 2000-2009. Khu vực ĐT trung tâm không chỉ tốt về hạ tầng giao thông đối nội mà ngày càng nâng cao vai trò giao thông đối ngoại. Hầu như tất cả các công trình giao thông đầu mối đều tập trung ở khu vực này. Riêng địa bàn quận Ninh Kiều đã đóng góp tới 67% số lượng HKVC và 72% số lượng HKLC toàn TP Cần Thơ giai đoạn 2000-2009. Vai trò của quận Ninh Kiều trong hoạt động vận tải hành khách ngày càng tăng, từ 43% năm 2000 lên 50% năm 2009.

2.2.2.2. Thương mại

Quá trình phát triển kinh tế, gia tăng dân số và ĐTH tác động lớn đến việc mở rộng thị trường của khu vực ĐT nói riêng và TP Cần Thơ nói chung. TP Cần Thơ từ lâu đã là trung tâm thương mại của vùng ĐBSCL. Năm 1968, Phòng Thương mại và Công nghệ Cần Thơ ra đời có phạm vi hoạt động trên địa bàn 12 tỉnh và 2 thị xã, bao quát khu vực từ Nam sông Tiền đến hết Cà Mau – Kiên Giang. Hoạt động thương mại và dịch vụ ngày càng sầm uất, thị xã Cần Thơ trước đây và TP Cần Thơ hiện nay là đầu mối giao thương trong vùng.

Quá trình phát triển ĐT càng góp phần đẩy nhanh hoạt động thương mại. ĐTH giúp mở rộng thị trường tiêu thụ và tạo nhiều điều kiện thuận lợi đa dạng hoạt động kinh doanh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (gọi tắt “Doanh thu bán lẻ”) TP Cần Thơ, khu vực nội thành và quận Ninh Kiều năm 2000, 2005 và 2009 được thể hiện ở biểu đồ 6 dưới đây:

Biểu đồ 6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ TP Cần Thơ, khu vực nội thành và quận Ninh Kiều năm 2000, 2005, 2009



Nguồn: [1], [2], [3], [6]

Doanh thu bán lẻ ở khu vực ĐT tăng rất mạnh, từ 2251 tỉ đồng năm 2000 lên 23.366 tỉ đồng năm 2009. Trong vòng gần 10 năm, tổng doanh thu bán lẻ khu vực nội thành tăng hơn 10 lần, tốc độ tăng trung bình 21%/năm. Khu vực nội thành dần khẳng định vai trò dẫn đầu tuyệt đối trong hoạt động thương mại của TP Cần Thơ. Tỷ trọng tổng doanh thu bán lẻ khu vực nội thành so với toàn TP tăng từ 45,5% năm 2000 lên 86% năm 2009.

Trong khu vực nội thành, Ninh Kiều là địa bàn có lịch sử phát triển lâu đời. Từ thế kỉ XIX, khu vực Tân An là đầu mối giao thương trong vùng. Tổng Doanh thu bán lẻ quận Ninh Kiều tăng từ 1,7 nghìn tỉ đồng năm 2000 lên hơn 15 nghìn tỉ đồng năm 2009. Quận Ninh Kiều chỉ chiếm 2,1% diện tích, 20% dân số nhưng lại đóng góp đến gần 60% doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ toàn TP Cần Thơ năm 2009.

Vai trò đầu tàu của khu vực ĐT dẫn dắt hoạt động thương mại toàn TP Cần Thơ phát triển. Giai đoạn 2000 – 2009,

tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn TP tăng từ 4954 tỉ đồng năm 2000 lên hơn 27 nghìn tỉ đồng năm 2009. Tốc độ tăng trưởng trung bình 21%/năm. Đặc biệt sau khi TP Cần Thơ trực thuộc Trung ương, tốc độ tăng doanh thu bán lẻ gần gấp 2 lần giai đoạn 2000 – 2005. Khu vực ĐT thực sự là động lực thúc đẩy hoạt động thương mại và dịch vụ trên toàn TP. Trong hơn 22,2 nghìn tỉ đồng doanh thu bán lẻ tăng thêm, địa bàn nội thành đóng góp gần 95%. Hiện nay, khu vực nội thành, đặc biệt là quận Ninh Kiều đang được chính quyền Trung ương và địa phương đầu tư trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ cấp quốc gia.

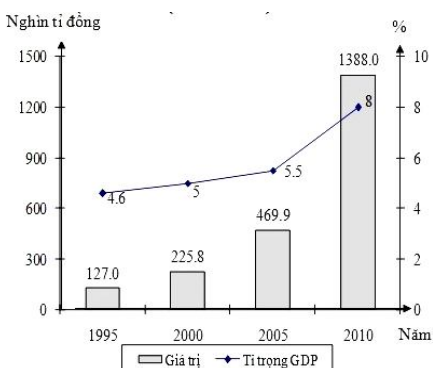
2.2.2.3. Tài chính - tín dụng

Cùng với quá trình ĐTH và phát triển TP Cần Thơ, hoạt động tài chính – tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ. Hệ thống ngân hàng trên địa bàn TP có nhiều chuyển biến tích cực, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cần Thơ là đầu mối giao thông

huyết mạch của vùng, là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, xuất – nhập khẩu nên các ngân hàng tập trung trước tiên và nhiều nhất trên địa bàn TP. Giá trị

và tỉ trọng GDP ngành tài chính – tín dụng trong GDP TP Cần Thơ giai đoạn 1995 – 2010 được thể hiện ở biểu đồ 7 sau đây:

Biểu đồ 7. Giá trị và tỉ trọng GDP ngành tài chính – tín dụng TP Cần Thơ (1995-2010)



Nguồn: [2], [3], [10]

Biểu đồ 7 cho thấy giai đoạn 1995-2010, quy mô GDP ngành tài chính – tín dụng tăng hơn 10 lần, từ 127 tỉ đồng năm 1995 lên 1388 tỉ đồng năm 2010. Tốc độ phát triển nhanh dần theo thời gian, giai đoạn 2000-2010, quy mô GDP hoạt động tài chính – tín dụng tăng nhanh nhất, trung bình khoảng 20%/năm, đóng góp hơn 92% giá trị tăng thêm trong cả giai đoạn 1995-2010. Do vậy, ngành tài chính – tín dụng ngày càng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động dịch vụ nói riêng và nền kinh tế nói chung; tỉ trọng tăng từ 10,4% năm 1995 lên 16,6% năm 2010 (trong ngành dịch vụ) và từ 4,6% năm 1995 lên 8,0% năm 2010 (đối với toàn bộ nền kinh tế).

Dịch vụ ngân hàng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về vốn và thanh toán cho phát triển sản xuất kinh doanh, với chất lượng dịch vụ cao, đảm bảo chính xác, an

toàn và bảo mật; tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tuần hoàn và chu chuyển vốn của nền kinh tế được liên tục, nhanh chóng. Nhiều dịch vụ mới như thẻ thanh toán, chuyển tiền điện tử, thanh toán liên ngân hàng điện tử đã phát triển rất nhanh trên địa bàn TP. Các tổ chức tín dụng đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế, nhất là cho vay chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu mua hàng thủy sản xuất khẩu. Các dịch vụ tài chính như dịch vụ kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xổ số kiến thiết, mua bán nợ... hoạt động có hiệu quả, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách địa phương.

Trong khi mạng lưới ngân hàng đã và đang phát triển rộng khắp, khu vực ĐT, đặc biệt là quận Ninh Kiều tiếp tục là trung tâm tài chính - tín dụng của TP và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trụ sở

chính của các ngân hàng trên địa bàn đều đặt tại Ninh Kiều, các giao dịch lớn và quan trọng đều được thực hiện tại đây; bước đầu hình thành “ Wall Street” của vùng ở đại lộ Hòa Bình và vùng phụ cận.

3. Kết luận

Giai đoạn 1995-2011 quá trình ĐTH TP Cần Thơ diễn ra khá nhanh, đặc biệt từ sau năm 2000 đến nay, góp phần quan trọng thúc đẩy ngành dịch vụ phát triển trong thời gian tương ứng. Những hoạt động dịch vụ phát triển nổi bật nhất

trong quá trình ĐTH TP Cần Thơ trong thời gian qua bao gồm: giao thông vận tải, thương mại và tài chính – tín dụng.

Khu vực ĐT, đặc biệt là khu vực nội thành thực sự là đầu tàu, động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành dịch vụ trên toàn TP. Bên cạnh khu vực ĐT trung tâm (quận Ninh Kiều và phụ cận) giữ vị trí, vai trò ngày càng cao, thì những địa bàn nội thành mới mở rộng (quận Ô Môn và Thốt Nốt) vẫn còn tương đối kém phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Cần Thơ (2001), *Niên giám thống kê tỉnh Cần Thơ 2000*.
2. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2008), *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ 2007*.
3. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2012), *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ 2011*.
4. Phòng Thống kê quận Bình Thủy (2010), *Niên giám thống kê quận Bình Thủy 2009*.
5. Phòng Thống kê quận Cái Răng (2010), *Niên giám thống kê quận Cái Răng 2009*.
6. Phòng Thống kê quận Ninh Kiều (2010), *Niên giám thống kê quận Ninh Kiều 2009*.
7. Phòng Thống kê quận Ô Môn (2010), *Niên giám thống kê quận Ô Môn 2009*.
8. Phòng Thống kê quận Thốt Nốt (2010), *Niên giám thống kê quận Thốt Nốt 2009*.
9. Phạm Đỗ Văn Trung (2012), “Quá trình biến động diện tích và dân số đô thị thành phố Cần Thơ giai đoạn 1999 – 2009”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Các vấn đề trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lí*, tr.150-161.
10. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (2005), *30 năm xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ (1975 – 2005)*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 01-11-2013; ngày chấp nhận đăng: 23-11-2013)